

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chinh;
2. Ông Trần Minh Lâm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thật - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Pg, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970 (vắng mặt lần 02 không rõ lý do);

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số A phố B, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy N – chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tây Sơn.

Địa chỉ: T, thị trấn P, huyện S, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Trần Ngọc P trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị N tự nguyện quen biết nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục vào tháng 02/1997, rồi sống chung với nhau từ đó cho đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã cố gắng khắc phục chung sống với nhau vì con nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay và không còn yêu thương nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã lâu nên ông yêu cầu Tòa án công bố không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Huỳnh Thị N.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc N (giới tính: Nam), sinh ngày 09/01/1998 và Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ) sinh ngày 15/02/2001. Các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì về con chung.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

-Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 16/3/2020 vợ chồng thống nhất có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Tây Sơn số tiền gốc là 42.000.000 đồng, hiện nay còn nợ gốc 42.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký. Cụ thể :

+ Ngày 12/01/2016 chương trình cho vay: Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; khoản nợ này vợ chồng thỏa thuận ông có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi, hạn chót là ngày 12/6/2020 trả hết gốc và lãi; lãi suất theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

+ Ngày 12/6/2016 chương trình cho vay: Sản xuất kinh doanh tại VKK với số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; khoản nợ này vợ chồng thỏa thuận ông có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi, hạn chót là ngày 12/4/2020 trả hết gốc và lãi; lãi suất theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Nhưng đến nay hai khoản nợ trên ông chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – phòng giao dịch huyện Tây Sơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông cam kết tự nguyện trả hai khoản nợ trên cho Ngân hàng với số tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất hợp đồng đã ký với Ngân hàng tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2020 (ngày xét xử sơ thẩm).

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của ông Trần Ngọc P về quan hệ hôn nhân, sau khi làm đám cưới theo phong tục thì vợ chồng chung sống với nhau từ tháng 02/1997 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi, mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục chung sống với nhau vì con nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay và đã thật sự không còn yêu thương nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý việc ông Trần Ngọc P yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc N (giới tính: Nam), sinh ngày 09/01/1998 và Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ) sinh ngày 15/02/2001. Các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì về con chung.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

-Về nợ chung: Bà đồng ý vợ chồng bà có hai khoản nợ vay như ông P trình bày và thỏa thuận ông P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Tây Sơn về khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 12/01/2016, với số tiền gốc 12.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng; vay sản xuất kinh doanh tại VKK ngày 12/6/2016 với số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn (đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy N) trình bày: Thống nhất như lời trình bày của vợ chồng ông P, bà N về khoản nợ gốc 42.000.000 đồng đã vay của Ngân hàng, cụ thể:

Ngày 12/01/2016 chương trình cho vay: Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; khoản nợ này Ngân hàng đồng ý để ông P trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi, hạn chót là ngày 12/6/2020 trả hết gốc và lãi, lãi suất theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng (theo biên bản hòa giải ngày 16/3/2020) nhưng đến hạn ông P vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngày 12/6/2016 chương trình cho vay: Sản xuất kinh doanh tại VKK với số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; khoản nợ này Ngân hàng đồng ý để ông P trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi, hạn chót là ngày 12/4/2020 trả hết gốc và lãi, lãi suất theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng (theo biên bản hòa giải ngày 16/3/2020) nhưng đến hạn ông P vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn đồng ý ông P có nghĩa vụ trả hai khoản nợ vay trên với số tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày 17/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo lãi suất 0.75%/tháng. Cụ thể:

Đối với khoản vay 12.000.000 đồng: Tính lãi từ ngày 13/6/2019 đến ngày 17/6/2020;

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Tính lãi từ ngày 13/8/2019 đến ngày 17/6/2020.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định;

Tuy nhiên, bị đơn Huỳnh Thị N vắng mặt lần hai, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc P và bà Huỳnh Thị N không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông Trần Ngọc P và bà Huỳnh Thị N là vợ chồng.

-Về con chung: Do các bên không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề gì về con chung (vì các con đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử miễn xét.

-Về tài sản chung : Do các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

-Về nợ chung: Công nhận khoản nợ 42.000.000 đồng vay Ngân hàng CSXH Việt Nam vào ngày 12/01/2016 và ngày 12/6/2016 là khoản nợ chung vợ chồng ông P và bà N. Công nhận sự tự nguyện của các đương sự: Ông P có nghĩa vụ trả nợ gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 3.427.500 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Tây Sơn.

-Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn Huỳnh Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc P và chị Huỳnh Thị N tự nguyện quen biết được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, sau đó về chung sống với nhau từ tháng 02/1997 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không được công nhận hôn nhân hợp pháp. Việc anh Trần Ngọc P xét thấy cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ từ tháng 5/2018 cho đến nay. Do đó việc anh P yêu cầu ly hôn và chị Huỳnh Thị N cũng đồng ý, tuy nhiên hôn nhân của anh P và chị N là không hợp pháp nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nghị nên không công nhận anh Trần Ngọc P và chị Huỳnh Thị N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc N (giới tính: Nam), sinh ngày 09/01/1998 và Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ) sinh ngày 15/02/2001. Các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông P và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc P và bà Huỳnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

- Ông Trần Ngọc P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn tổng số tiền gốc là 42.000.000 đồng về hai khoản nợ vay vào năm 2016 chưa thanh toán.

- Về tiền lãi:

+ Tiền lãi khoản vay 12.000.000 đồng: Tính từ ngày 13/6/2019 đến ngày 17/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 12 tháng 10 ngày;

$(12.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}) + (12.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\%/\text{ngày} \times 10 \text{ ngày}) = 1.110.000 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi khoản vay 30.000.000 đồng: Tính từ ngày 13/8/2019 đến ngày 17/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10 tháng 09 ngày;

$(30.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng}) + (30.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\%/\text{ngày} \times 09 \text{ ngày}) = 2.317.500 \text{ đồng}.$

Tổng cộng ông P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Tây Sơn tổng số tiền là 45.427.500 đồng (tiền gốc 42.000.000 đồng, tiền lãi 3.427.500 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5.1] Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần Ngọc P phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006515 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[5.2] Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Ngọc P phải chịu $5\% \times 45.427.500 \text{ đồng} = 2.271.375 \text{ đồng}$.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Ngọc P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Ngọc P và bà Huỳnh Thị N là vợ chồng.

1.2 Về con chung: 02 con chung tên Trần Ngọc N (giới tính: Nam), sinh ngày 09/01/1998 và Trần Thị Thu T (giới tính: Nữ) sinh ngày 15/02/2001. Các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông P và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

1.3 Về tài sản chung: Ông P và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

1.4 Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Ông Trần Ngọc P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Tây Sơn tổng số tiền là 45.427.500 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó: tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 3.427.500 đồng về hai khoản nợ vay vào năm 2016 chưa thanh toán.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần Ngọc P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006515 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

2.2 Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Ngọc P phải chịu 2.271.375 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/6/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Thị Triều